

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thực hiện Điều 15 tại Nghị định số 17/2014/NĐ-CP ngày 11/3/2014 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của thanh tra Ngoại giao

Căn cứ Luật Thanh tra số 56/2010/QH12 ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 07/2012/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2012 của Chính phủ quy định về cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành và hoạt động thanh tra chuyên ngành;

Căn cứ Nghị định số 58/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Ngoại giao;

Căn cứ Nghị định số 17/2014/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của thanh tra Ngoại giao;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra Bộ Ngoại giao;

Bộ trưởng Bộ Ngoại giao ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện Điều 15 tại Nghị định số 17/2014/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Chính phủ về nội dung thanh tra chuyên ngành như sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn nội dung thanh tra chuyên ngành ngoại giao quy định tại Điều 15 Nghị định số 17/2014/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của thanh tra Ngoại giao (sau đây gọi là Nghị định số 17/2014/NĐ-CP).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với đối tượng thanh tra quy định tại Điều 2 và cơ quan thực hiện chức năng thanh tra Ngoại giao quy định tại Điều 3 Nghị định số 17/2014/NĐ-CP.

Chương II

NỘI DUNG THANH TRA CHUYÊN NGÀNH NGOẠI GIAO

Điều 3. Thanh tra về công tác điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế

1. Thanh tra việc tuân thủ các quy định pháp luật về ký kết và thực hiện điều ước quốc tế thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Ngoại giao, bao gồm:

a) Việc tuân thủ quy định về thẩm quyền của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong việc đề xuất ký kết và thực hiện điều ước quốc tế, trên cơ sở so sánh với quy định về chức năng, nhiệm vụ của Bộ, cơ quan ngang Bộ và các quy định pháp luật chuyên ngành;

b) Việc tuân thủ quy định về nguyên tắc ký kết, hồ sơ, quy trình, thời hạn trong quá trình ký kết điều ước quốc tế gồm: lấy ý kiến cơ quan liên quan, ý kiến kiểm tra của Bộ Ngoại giao, ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, trình Chính phủ, Chủ tịch nước, gửi bản chính cho Bộ Ngoại giao, trình phê duyệt, phê chuẩn, trình sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt điều ước quốc tế;

c) Việc tuân thủ quy định chế độ báo cáo Bộ Ngoại giao về tình hình ký kết và thực hiện điều ước quốc tế;

d) Việc thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền, phổ biến nội dung điều ước quốc tế, việc đăng tải điều ước quốc tế trên Cổng thông tin điện tử, việc xây dựng, ban hành hoặc trình ban hành, sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật để thực hiện điều ước quốc tế (nếu việc này là cần thiết);

đ) Việc tuân thủ quy định về trình phê duyệt và triển khai kế hoạch thực hiện điều ước quốc tế đã được phê duyệt;

e) Thanh tra những nội dung khác theo quy định tại Điều 81 Luật Điều ước quốc tế năm 2016 và các quy định pháp luật khác về điều ước quốc tế.

2. Thanh tra việc tuân thủ các quy định pháp luật về ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Ngoại giao và Sở Ngoại vụ, bao gồm:

a) Việc tuân thủ nguyên tắc ký kết thỏa thuận quốc tế: phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của cơ quan theo luật định, không trái pháp luật Việt Nam;

b) Việc thực hiện chu trương, chính sách về ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế: tính hiệu quả, tính cần thiết, các hoạt động triển khai trên thực tế;

c) Việc tuân thủ quy trình, thủ tục ký kết thỏa thuận quốc tế: lấy ý kiến Bộ Ngoại giao và các Bộ, ngành liên quan, báo cáo Thủ tướng Chính phủ cho ý kiến trong trường hợp có ý kiến khác nhau;

d) Việc tuân thủ quy định chế độ báo cáo Bộ Ngoại giao về tình hình ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế;

đ) Việc tuân thủ quy định về gửi bản sao thỏa thuận quốc tế đến Bộ Ngoại giao sau khi ký;

e) Thanh tra những nội dung khác theo quy định tại Điều 5 Pháp lệnh Ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế ngày 20/4/2007 và các quy định pháp luật khác về thỏa thuận quốc tế.

Điều 4. Thanh tra về công tác tổ chức, quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam

1. Thanh tra việc thực hiện quy định pháp luật về thẩm quyền tổ chức, quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam, bao gồm:

a) Việc tuân thủ quy định về thẩm quyền và phân cấp thẩm quyền cho phép tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 3 Quyết định số 76/2010/QĐ-TTg ngày 30/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức, quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam (sau đây gọi là Quyết định số 76/2010/QĐ-TTg);

b) Việc tuân thủ quy định về thẩm định nội dung và đề án xin phép tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế của các cơ quan Trung ương, địa phương theo thẩm quyền và phân cấp thẩm quyền.

2. Thanh tra việc thực hiện quy định pháp luật về quy trình tổ chức, quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế, bao gồm:

a) Việc tuân thủ quy định đối với hồ sơ tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế gồm: tờ trình và đề án tổ chức (hoặc kế hoạch tổ chức) hội nghị, hội thảo quốc tế;

b) Việc tuân thủ lấy ý kiến bằng văn bản của các cơ quan quản lý nhà nước đối với lĩnh vực liên quan đến nội dung hội nghị, hội thảo quốc tế;

c) Việc tuân thủ tổ chức hội nghị, hội thảo theo đề án, kế hoạch đã được phê duyệt, hoặc dừng hoạt động tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế trong trường hợp không được cấp phép;

d) Việc tuân thủ quy định về chi tiêu, thanh quyết toán tài chính đối với tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế theo quy định pháp luật;

đ) Việc tuân thủ quy định báo cáo kết quả hội nghị, hội thảo quốc tế đến cấp có thẩm quyền cho phép tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế, Bộ Ngoại giao và các cơ quan liên quan.

3. Thanh tra việc thực hiện quy định pháp luật về trách nhiệm quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế: việc tuân thủ quy định về trách nhiệm quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế theo quy định tại Điều 5 Quyết định số 76/2010/QĐ-TTg.

4. Thanh tra những nội dung khác theo quy định pháp luật về quản lý, tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam.

Điều 5. Thanh tra về quản lý hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam

1. Thanh tra việc cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cấp lại và thu hồi Giấy Đăng ký của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam:

a) Việc cấp, gia hạn, bổ sung, sửa đổi, cấp lại Giấy Đăng ký của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài theo quy định từ Điều 5 đến Điều 14 Nghị định số 12/2012/NĐ-CP ngày 01/3/2012 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam (sau đây gọi là Nghị định số 12/2012/NĐ-CP) và các quy định từ Điều 2 đến Điều 10 Thông tư số 05/2012/TT-BNG ngày 12/11/2012 của Bộ Ngoại giao hướng dẫn thi hành Nghị định số 12/2012/NĐ-CP của Chính phủ (sau đây gọi là Thông tư số 05/2012/TT-BNG);

b) Việc đình chỉ, chấm dứt hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 12/2012/NĐ-CP và Điều 11 Thông tư số 05/2012/TT-BNG.

2. Thanh tra việc tuân thủ các quy định pháp luật của các cơ quan, tổ chức Việt Nam trong quản lý hoạt động và hợp tác với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài:

a) Việc thực hiện trách nhiệm quản lý, kiểm tra, giám sát của các cơ quan quản lý nhà nước theo quy định tại Điều 24, Điều 25, Điều 26, Điều 27, Điều 28 Nghị định số 12/2012/NĐ-CP và Điều 20 Thông tư số 05/2012/TT-BNG;

b) Việc tuân thủ chế độ báo cáo của các cơ quan quản lý nhà nước theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 12/2012/NĐ-CP và Điều 19 Thông tư số 05/2012/TT-BNG;

c) Việc thực hiện trách nhiệm của cơ quan đối tác Việt Nam theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 12/2012/NĐ-CP và Điều 2 Thông tư số 05/2012/TT-BNG và các quy định pháp luật khác về hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài.

3. Thanh tra việc tuân thủ các quy định pháp luật của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam:

a) Việc tuân thủ quy định về hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài, bao gồm: Việc ký “Thỏa thuận khung” với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền Việt Nam, việc triển khai hoạt động theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 05/2012/TT-BNG; việc thông báo hoạt động theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 12/2012/NĐ-CP và Điều 16 Thông tư số 05/2012/TT-BNG; việc đình chỉ, chấm dứt hoạt động theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 12/2012/NĐ-CP và Điều 11 Thông tư số 05/2012/TT-BNG; trách nhiệm của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 12/2012/NĐ-CP;

b) Việc tuân thủ các quy định về người lao động làm việc cho tổ chức phi chính phủ nước ngoài theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 75/2014/NĐ-CP ngày 28/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho các tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam và khoản 1 Điều 12 Thông tư số 05/2012/TT-BNG;

c) Việc tuân thủ địa điểm làm việc, địa bàn hoạt động, lao động sử dụng và các nội dung khác phù hợp với Giấy đăng ký theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 12/2012/NĐ-CP và Điều 7 Thông tư số 05/2012/TT-BNG.

4. Thanh tra, kiểm tra trách nhiệm của các cơ quan nhà nước ở Trung ương và địa phương đối với hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài theo quy định tại Điều 27, Điều 28, Điều 29 Nghị định số 12/2012/NĐ-CP và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Điều 6. Thanh tra về công tác lãnh sự

1. Việc sử dụng và quản lý hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ của các Bộ, ngành, địa phương theo quy định tại Quyết định số 58/2012/QĐ-TTg ngày 24/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ về sử dụng và quản lý hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ và Thông tư số 02/2013/TT-BNG ngày 25/6/2013 của Bộ Ngoại giao hướng dẫn việc cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ và cấp công hàm đề nghị phía nước ngoài cấp thị thực, bao gồm: quy chế quản lý hộ chiếu ngoại giao và hộ chiếu công vụ; việc lập sổ quản lý hộ chiếu; cơ chế giao nhận hộ chiếu, chế độ báo cáo và xử lý vi phạm.

2. Việc thực hiện các quy định của pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Ngoại giao và Sở Ngoại vụ, bao gồm: việc tuân thủ chế độ báo cáo của các cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động di cư của công dân Việt Nam ra nước ngoài; quản lý đi cư hợp pháp, ngăn chặn di cư bất hợp pháp, xử lý các vấn đề liên quan đến di cư của công dân.

3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thanh tra, kiểm tra việc nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh và cư trú của công dân Việt Nam và người nước ngoài thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Ngoại giao và Sở Ngoại vụ theo quy định tại Luật số 47/2014/QH13 về nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam, Nghị định số 136/2007/NĐ-CP ngày 17/8/2007 của Chính phủ về xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam.

4. Thanh tra những nội dung khác về công tác lãnh sự thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Ngoại giao và Sở Ngoại vụ theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Thanh tra về công tác lễ tân ngoại giao

1. Thanh tra việc thực hiện các quy định về công tác lễ tân ngoại giao trong công tác tổ chức đoàn đi công tác nước ngoài, đón tiếp khách nước ngoài, đoàn ngoại giao và tổ chức quốc tế.

a) Việc tuân thủ quy định về thẩm quyền cử cán bộ, công chức, viên chức đi công tác nước ngoài và thủ tục tổ chức đoàn đi công tác nước ngoài, đón tiếp khách nước ngoài theo quy định;

b) Việc tuân thủ quy định về quy trình thẩm định của các cơ quan liên quan đối với đề án và kế hoạch hoạt động của đoàn Việt Nam ra công tác tại nước ngoài, gồm: thời gian, địa điểm, thành phần cụ thể tham gia mỗi hoạt động, mức độ tiếp xúc, kế hoạch và yêu cầu tuyên truyền, chế độ ăn nghỉ, phương tiện đi lại, danh mục các văn kiện hoặc thỏa thuận hợp tác dự kiến ký hoặc công bố (nếu có):

c) Việc tuân thủ quy định về quy trình thẩm định của các cơ quan liên quan đối với đề án và kế hoạch hoạt động của đoàn vào công tác tại Việt Nam, gồm: thời gian, địa điểm, thành phần cụ thể tham gia mỗi hoạt động, mức độ đón tiếp, kế hoạch và yêu cầu tuyên truyền, chế độ ăn nghỉ, phương tiện đi lại, danh mục các văn kiện hoặc thỏa thuận hợp tác dự kiến ký hoặc công bố (nếu có):

d) Việc tuân thủ quy định về phối hợp của đoàn công tác Việt Nam ra nước ngoài với Cơ quan đại diện Việt Nam tại nước ngoài: gửi văn bản đến Cơ quan đại diện trước ít nhất 30 ngày làm việc để Cơ quan đại diện sắp xếp chương trình làm việc của đoàn công tác với cơ quan nước ngoài; trường hợp không đề nghị Cơ quan đại diện sắp xếp chương trình làm việc thì phải gửi văn bản thông báo trước ít nhất 7 ngày làm việc;

đ) Việc tuân thủ chế độ báo cáo khi kết thúc chuyến công tác nước ngoài: gửi báo cáo kết quả chuyến công tác đến cấp có thẩm quyền xét duyệt Đoàn đi công tác nước ngoài trong thời gian 10 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc chuyến công tác.

2. Thanh tra việc thực hiện các quy định, chế độ ưu đãi, miễn trừ dành cho các Cơ quan đại diện ngoại giao, Cơ quan lãnh sự, Cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế thuộc hệ thống Liên hợp quốc, Tổ chức quốc tế liên chính phủ tại Việt Nam và thành viên của các Cơ quan đại diện này theo quy định tại Điều 8, Điều 9 và Điều 10 Nghị định số 73/CP ngày 30/7/1994 của Chính phủ.

Điều 8. Thanh tra về công tác quản lý hoạt động thông tin, báo chí của báo chí nước ngoài tại Việt Nam

1. Thanh tra việc tuân thủ các quy định của pháp luật về tổ chức hoạt động của văn phòng thường trú báo chí nước ngoài tại Việt Nam theo quy định tại Điều 7, Điều 9 Nghị định số 88/2012/NĐ-CP ngày 23/10/2012 của Chính phủ quy định về hoạt động thông tin, báo chí của báo chí nước ngoài, cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam (sau đây gọi là Nghị định số 88/2012/NĐ-CP), bao gồm:

- a) Thủ tục lập và đóng văn phòng thường trú;
- b) Hoạt động của văn phòng thường trú.

2. Thanh tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý hoạt động báo chí của phóng viên nước ngoài không thường trú tại Việt Nam theo quy định tại Điều 4, Điều 5 và Điều 6 Nghị định số 88/2012/NĐ-CP, bao gồm:

- a) Thủ tục cấp phép hoạt động thông tin, báo chí của phóng viên không thường trú;
- b) Hoạt động thông tin, báo chí của phóng viên không thường trú;
- c) Hoạt động thông tin, báo chí của phóng viên nước ngoài đi theo đoàn khách nước ngoài.

3. Thanh tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý hoạt động báo chí của phóng viên nước ngoài thường trú tại Việt Nam theo quy định tại Điều 8, Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 13, Điều 14 và Điều 15 Nghị định số 88/2012/NĐ-CP, bao gồm:

- a) Thủ tục cử phóng viên thường trú;
- b) Hoạt động thông tin, báo chí của phóng viên thường trú;
- c) Hoạt động của trợ lý báo chí và cộng tác viên của văn phòng thường trú.

Điều 9. Thanh tra về công tác ngoại giao kinh tế

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thanh tra chuyên ngành về công tác ngoại giao phục vụ kinh tế, bao gồm:

1. Việc tổ chức triển khai hoạt động ngoại giao phục vụ kinh tế theo chức năng, nhiệm vụ được giao của các Bộ, ngành, địa phương quy định tại Điều 10

và Điều 11 Nghị định số 08/2003/NĐ-CP ngày 10/02/2003 của Chính phủ về hoạt động của Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài (sau đây gọi là Nghị định số 08/2003/NĐ-CP).

2. Việc phối hợp thực hiện nhiệm vụ phục vụ phát triển kinh tế đất nước theo quy định tại Điều 6 Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài và các Điều 3, Điều 4, Điều 5, Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8 Nghị định số 08/2003/NĐ-CP.

3. Việc phối hợp thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế đất nước: vận động viện trợ, tranh thủ các nguồn vốn, mở rộng thị trường xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ, thu hút du lịch, đầu tư ra nước ngoài vào hoạt động đối ngoại, bố trí các nguồn lực cần thiết phục vụ cho hoạt động ngoại giao kinh tế và việc thực hiện những quy định pháp luật khác về công tác ngoại giao phục vụ kinh tế thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của Bộ Ngoại giao và Sở Ngoại vụ.

Điều 10. Thanh tra về công tác ngoại giao văn hóa

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thanh tra chuyên ngành về công tác ngoại giao văn hóa, bao gồm:

a) Việc thực hiện Quy chế tổ chức Ngày Việt Nam ở nước ngoài ban hành kèm theo Quyết định số 33/2010/QĐ-TTg ngày 02/4/2010 của Thủ tướng Chính phủ: công tác phối hợp của các Bộ, ngành, địa phương trong việc xây dựng kế hoạch tổ chức ngày Việt Nam ở nước ngoài theo quy định tại Điều 5, Điều 7; việc thực hiện chế độ báo cáo về việc tổ chức ngày Việt Nam ở nước ngoài theo quy định tại Điều 8;

b) Việc thực hiện Chiến lược Ngoại giao Văn hóa đến năm 2020 ban hành kèm theo Quyết định số 208/QĐ-TTg ngày 14/02/2011 của Thủ tướng Chính phủ;

2. Phối hợp với các cơ quan liên quan thanh tra đối với nhiệm vụ triển khai hoạt động ngoại giao văn hóa trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở Ngoại vụ hoặc theo phân công nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

3. Thanh tra những nội dung khác về công tác ngoại giao văn hóa thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Ngoại giao và Sở Ngoại vụ theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Thanh tra về công tác biên giới, lãnh thổ quốc gia

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thanh tra chuyên ngành về công tác biên giới, lãnh thổ quốc gia:

1. Việc ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, các điều ước quốc tế về biên giới, lãnh thổ quốc gia; việc ký kết, hợp tác và thực hiện thỏa thuận quốc tế trong việc xây dựng, quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia.

2. Việc xây dựng kế hoạch và triển khai công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục về biên giới, lãnh thổ quốc gia.

3. Việc tuân thủ các quy định của điều ước quốc tế, các trình tự liên quan đến việc mở và nâng cấp cửa khẩu; đường qua lại trên biên giới, thiết kế, xây dựng, nâng cấp các công trình trong khu vực biên giới hoặc trong khu vực cửa khẩu biên giới.

4. Việc thực hiện trách nhiệm thông báo cho Bộ Ngoại giao khi tiến hành bắt, tạm giữ, tạm giam người có hành vi vi phạm pháp luật hoặc tạm giữ tàu thuyền nước ngoài theo quy định tại Điều 52 Luật Biên năm 2012.

5. Việc tuân thủ các quy định pháp luật đối với các thủ tục xuất bản, in ấn các ấn phẩm có liên quan đến biên giới, lãnh thổ quốc gia.

6. Việc tuân thủ quy định pháp luật về lưu trữ và sử dụng các tài liệu về biên giới, lãnh thổ quốc gia.

7. Thanh tra những nội dung khác quy định tại Điều 35 Luật Biên giới quốc gia ngày 17/6/2003, Điều 27 và Điều 31 Nghị định số 140/2004/NĐ-CP ngày 25/6/2004 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Biên giới quốc gia và quy định pháp luật khác về công tác biên giới, lãnh thổ quốc gia.

Điều 12. Thanh tra về công tác người Việt Nam ở nước ngoài

1. Thanh tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về công tác người Việt Nam ở nước ngoài đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan, bao gồm:

a) Việc thành lập các hội đoàn, tư cách pháp nhân và hoạt động của các tổ chức xã hội liên quan đến người Việt Nam ở nước ngoài theo quy định của pháp luật;

b) Việc triển khai thực hiện các quy định của pháp luật, chế độ, chính sách hiện hành liên quan đến người Việt Nam ở nước ngoài; việc thực hiện các mục tiêu, chương trình, kế hoạch trong công tác về người Việt Nam ở nước ngoài đã được phê duyệt;

c) Việc chấp hành các quy định của pháp luật về công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài tại cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước;

d) Việc thực hiện các biện pháp bảo hộ quyền và lợi ích hợp pháp của người Việt Nam ở nước ngoài phù hợp với pháp luật Việt Nam, luật pháp nước sở tại và luật pháp quốc tế.

2. Thanh tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về công tác người Việt Nam ở nước ngoài tại địa phương:

a) Việc phổ biến và thực thi các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan trong lĩnh vực công tác về người Việt Nam ở nước ngoài, việc ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ được giao liên quan đến công tác người Việt Nam ở nước ngoài;

b) Việc nghiên cứu, xây dựng kế hoạch, việc chỉ đạo và tổ chức triển khai các hoạt động liên quan đến công tác người Việt Nam ở nước ngoài;

c) Việc thực hiện chế độ thông tin, báo cáo, công tác phối hợp với các cơ quan liên quan trong giải quyết và hỗ trợ giải quyết bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người Việt Nam ở nước ngoài.

3. Thanh tra việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí liên quan đến công tác người Việt Nam ở nước ngoài.

4. Thanh tra việc thực hiện các nhiệm vụ khác liên quan đến công tác người Việt Nam ở nước ngoài theo quy định tại Chỉ thị số 19/2008/CT-TTg ngày 06/6/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục tăng cường triển khai thực hiện Chương trình Hành động của Chính phủ về công tác với người Việt Nam ở nước ngoài và quy định pháp luật khác về công tác người Việt Nam ở nước ngoài.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 13. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu các văn bản quy phạm pháp luật đã viện dẫn trong Thông tư này được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật mới thì áp dụng theo văn bản quy phạm pháp luật mới đó.

Điều 14. Trách nhiệm thi hành

1. Chánh Thanh tra Bộ, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Ngoại giao, Giám đốc Sở Ngoại vụ, Chánh Thanh tra Sở và các cá nhân, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

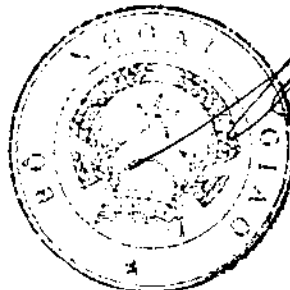
2. Chánh Thanh tra Bộ theo dõi, kiểm tra và đánh giá việc thực hiện Thông tư này và định kỳ báo cáo Bộ trưởng Bộ Ngoại giao, báo cáo đột xuất khi cần thiết.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Ngoại giao để xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. /.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Sở Ngoại vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các đơn vị thuộc Bộ Ngoại giao;
- Các Cơ quan đại diện Việt Nam tại nước ngoài;
- Công báo, Công thông tin điện tử Chính phủ;
- Công thông tin điện tử Bộ Ngoại giao;
- Lưu: HC, TTra.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**



Nguyễn Quốc Dũng

